



VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 115 /2026/VBHN-TT-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa

Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;

2. Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025;

3. Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa¹.

¹Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa và việc tổ chức đăng ký phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này áp dụng với tổ chức, cá nhân có liên quan đến đăng ký phương tiện thủy nội địa.

3. Phương tiện thủy nội địa của tổ chức, cá nhân đưa vào hoạt động trên đường thủy nội địa phải được đăng ký theo quy định tại Thông tư này, trừ phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè.

4. Thông tư này không áp dụng đối với việc đăng ký các loại phương tiện sau đây:

- a) Phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;
- b) Tàu cá;
- c) Tàu, thuyền thể thao và vui chơi giải trí.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tàu cá* là phương tiện chuyên dùng để khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản.

2. *Tàu, thuyền thể thao và vui chơi giải trí* là phương tiện chuyên dùng

định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa.”

Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.”

Thông tư số 09/2025/TT-BXD có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.”

để luyện tập, thi đấu thể thao và vui chơi giải trí.

3. *Chủ phương tiện* là tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện.
4. *Thay đổi tính năng kỹ thuật của phương tiện* là việc thay đổi kết cấu, kích thước, công suất, trọng tải hoặc công dụng và vùng hoạt động của phương tiện.
5. *Phương tiện chưa khai thác* là phương tiện được đóng mới hoặc nhập khẩu nhưng chưa được đưa vào khai thác trên đường thủy nội địa.

Chương II

ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 3. Đăng ký phương tiện

1. Phương tiện có đủ hồ sơ theo quy định sẽ được cơ quan đăng ký phương tiện có thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này đăng ký vào Sổ đăng ký phương tiện thủy nội địa và cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.
2. Trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương thì việc đăng ký phương tiện được thực hiện như trường hợp có hộ khẩu đăng ký thường trú.
3. Phương tiện phải được đăng ký lại trong các trường hợp sau:
 - a) Chuyển quyền sở hữu;
 - b) Thay đổi tên, tính năng kỹ thuật;
 - c) Trụ sở hoặc nơi đăng ký thường trú của chủ phương tiện chuyển sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác;
 - d) Chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.
4. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.
 - a) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 1 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa bị mất, hỏng được cấp lại khi có đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.
- 5.²Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chuyển quyền sở hữu phương tiện hoặc được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường khi thay đổi tính năng kỹ thuật của phương tiện theo quy định hoặc thay đổi trụ sở, tổ chức, cá nhân phải thực hiện thủ tục đăng ký lại phương tiện.

Điều 4. Xóa đăng ký phương tiện

Xóa đăng ký phương tiện được áp dụng trong các trường hợp sau:

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1. Phương tiện bị mất tích.
2. Phương tiện bị phá hủy.
3. Phương tiện không còn khả năng phục hồi.
4. Chuyển quyền sở hữu phương tiện.
5. Thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.
6. Theo đề nghị của chủ phương tiện.

Điều 5. Tên của phương tiện

1. Ngoài số đăng ký phương tiện do cơ quan đăng ký phương tiện cấp, phương tiện có thể có tên riêng.

2. Tên của phương tiện do chủ phương tiện đặt nhưng không được trùng với tên phương tiện thủy nội địa đã đăng ký trong Sổ đăng ký phương tiện thủy nội địa của cơ quan đăng ký phương tiện. Trường hợp lấy tên nhân vật lịch sử hoặc sự kiện lịch sử Việt Nam để đặt tên phương tiện, chủ phương tiện phải tuân theo quy định của pháp luật về văn hóa.

Điều 6. Số đăng ký và kẻ số đăng ký trên phương tiện

1. Số đăng ký của phương tiện bao gồm 2 nhóm, nhóm chữ và nhóm số.

a) Nhóm chữ: Gồm các chữ cái theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Nhóm số: Gồm 04 số được đánh thứ tự từ 0001 đến 9999; những địa phương có số lượng trên 10.000 phương tiện được dùng nhóm số gồm 05 số sau khi đã sử dụng hết nhóm số gồm 04 số; nhóm số được kẻ phía sau các chữ cái theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kích thước chữ và số kẻ trên phương tiện được quy định như sau:

- a) Chiều cao tối thiểu: 200 mm;
- b) Chiều rộng nét tối thiểu: 30 mm;
- c) Khoảng cách giữa các chữ hoặc số: 30 mm.

3. Màu của chữ và số đăng ký khi kẻ phải khác với màu nền nơi kẻ.

4. Vị trí kẻ số đăng ký của phương tiện:

a) Số đăng ký của phương tiện phải được kẻ ở nơi không bị che khuất tại bên trái, bên phải và phía trước cabin của phương tiện;

b) Trường hợp phương tiện không có cabin thì kẻ tại phần mạn khô ở hai bên mũi của phương tiện;

c) Trường hợp phương tiện không có cabin mà chiều cao mạn khô không đủ để kẻ số đăng ký theo quy định, cho phép thu nhỏ kích thước khi kẻ nhưng phải kẻ tại nơi dễ nhìn nhất;

d) Trường hợp phương tiện chở khách có sức chở trên 12 người, ngoài việc kẻ số đăng ký còn phải niêm yết cả số lượng người được phép chở ở phía

trên số đăng ký của phương tiện.

Điều 7. Nội dung của Sổ đăng ký phương tiện thủy nội địa

Sổ đăng ký phương tiện thủy nội địa có các nội dung sau:

1. Số thứ tự, số đăng ký.
2. Tên phương tiện, ngày, tháng, năm cấp.
3. Tên, địa chỉ của chủ phương tiện.
4. Cấp phương tiện, công dụng, năm đóng và nơi đóng.
5. Chiều dài thiết kế, chiều dài lớn nhất.
6. Chiều rộng thiết kế, chiều rộng lớn nhất.
7. Chiều cao mạn, chiều chìm.
8. Mạn khô, vật liệu vỏ.
9. Số lượng, kiểu và công suất máy chính.
10. Trọng tải toàn phần, sức kéo, sức đẩy, số người được phép chở.
- 11.³(*được bãi bỏ*)

Điều 8. Cơ quan đăng ký phương tiện⁴

1. Sở Xây dựng thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

b) Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bề khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

3. Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 1 Điều này được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 2 Điều này.”.

Điều 9. In, quản lý phôi giấy chứng nhận đăng ký phương tiện⁵

Sở Xây dựng chịu trách nhiệm in, quản lý, sử dụng và phát hành phôi

³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵ Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

Chương III

THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

Điều 10. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến⁶ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:
 - a) Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) ⁷(*được bãi bỏ*)

c) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc⁸) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

d) Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm

2. Xuất trình hoặc gửi⁹ bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc¹⁰ các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

b) Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

c) Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

d) Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt

⁶ Cụm từ “qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác” được thay thế bởi cụm từ “qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025

⁷ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁸ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁹ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹⁰ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Nam đối với cá nhân nước ngoài;

đ) Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

3. Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình hoặc gửi¹¹ giấy tờ quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b)¹² Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và thông báo thời hạn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản gửi tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c)¹³ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 11. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến¹⁴ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

a) Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu

¹¹ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi cụm từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

¹⁴ Cụm từ “qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác” được thay thế bởi cụm từ “qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

số 4 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) ¹⁵ (*được bãi bỏ*)

c) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc¹⁶) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

d) Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

2. Xuất trình hoặc gửi¹⁷ bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc¹⁸ các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

b) Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

3. Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, chủ phương tiện phải xuất trình hoặc gửi¹⁹ thêm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc²⁰ của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

¹⁵ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹⁶ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹⁷ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi cụm từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹⁸ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹⁹ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi cụm từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁰ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b) ²¹ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và thông báo thời hạn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản gửi tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c) ²² Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 12. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến²³ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

a) Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 5 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) ²⁴ *(được bãi bỏ)*

c) ²⁵ *(được bãi bỏ)*

d) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc²⁶) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc

²¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025

²² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

²³ Cụm từ “qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác” được thay thế bởi cụm từ “qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁴ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁵ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁶ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

diện phải nộp lệ phí trước bạ;

đ) Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

2. Xuất trình hoặc gửi²⁷ bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc²⁸ các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

b) Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

c) Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

d) Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

3. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b)²⁹Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và thông báo thời hạn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản gửi tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c)³⁰Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo

²⁷ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁸ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

³⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 13. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến³¹ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:
 - a) Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 6 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) ³² (*được bãi bỏ*)
 - c) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc³³) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;
 - d) ³⁴ (*được bãi bỏ*)
 - đ) Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

2. Xuất trình hoặc gửi³⁵ bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc³⁶ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

3. Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tính năng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tên thực hiện theo quy

³¹ Cụm từ “qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác” được thay thế bởi cụm từ “qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

³² Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

³³ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

³⁴ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

³⁵ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

³⁶ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b)³⁷ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và thông báo thời hạn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản gửi tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c)³⁸ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

Điều 14. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến³⁹ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

a) Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 7 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b)⁴⁰ *(được bãi bỏ)*

c)⁴¹ *(được bãi bỏ)*

d) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được

³⁷ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

³⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

³⁹ Cụm từ “qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác” được thay thế bởi cụm từ “qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴⁰ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

cấp từ sổ gốc⁴²) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

2. Xuất trình hoặc gửi⁴³ bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc⁴⁴ các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

a) Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình hoặc gửi⁴⁵ giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

3. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b)⁴⁶ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và thông báo thời hạn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản gửi tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c)⁴⁷ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện. Trường hợp không

⁴² Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴³ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi cụm từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴⁴ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴⁵ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi cụm từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴⁷ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 15. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến⁴⁸ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:
 - a) Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 7 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b)⁴⁹ *(được bãi bỏ)*
 - c)⁵⁰ *(được bãi bỏ)*
 - d) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc⁵¹), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ
2. Xuất trình hoặc gửi⁵² bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc⁵³ các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:
 - a) Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình hoặc gửi⁵⁴ giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;
 - b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.
3. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như

⁴⁸ Cụm từ “qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác” được thay thế bởi cụm từ “qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴⁹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵⁰ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵¹ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵² Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵³ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵⁴ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b)⁵⁵ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và thông báo thời hạn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản gửi tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c)⁵⁶ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

Điều 16. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến⁵⁷ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

a) Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 8 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b)⁵⁸ *(được bãi bỏ)*

c)⁵⁹ *(được bãi bỏ)*

2. Xuất trình hoặc gửi⁶⁰ bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ

⁵⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵⁷ Cụm từ “qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác” được thay thế bởi cụm từ “qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵⁸ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵⁹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁶⁰ Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

gốc⁶¹ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

3. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b)⁶² Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và thông báo thời hạn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản gửi tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c)⁶³ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

Điều 17. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến⁶⁴ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 9 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b)⁶⁵ *(được bãi bỏ)*

c)⁶⁶ *(được bãi bỏ)*

⁶¹ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁶² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁶³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶⁴ Cụm từ “qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác” được thay thế bởi cụm từ “qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁶⁵ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁶⁶ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có

2. Xuất trình hoặc gửi⁶⁷ bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc⁶⁸ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

3. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b)⁶⁹ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và thông báo thời hạn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản gửi tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c)⁷⁰ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 18. Xóa đăng ký phương tiện

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến⁷¹ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 10 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁶⁷Cụm từ “xuất trình” được thay thế bởi cụm từ “xuất trình hoặc gửi” theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁶⁸ Cụm từ “bản chính” được thay thế bởi cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc” theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁶⁹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁷⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷¹ Cụm từ “qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác” được thay thế bởi cụm từ “qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

b)⁷² (*được bãi bỏ*)

2. Giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này được lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện đối với trường hợp xóa quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

3. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b)⁷³ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và thông báo thời hạn trả kết quả, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản gửi tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c)⁷⁴ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 19. Trách nhiệm của chủ phương tiện

1. Làm thủ tục đăng ký phương tiện theo quy định, kê tên, số đăng ký, vạch dấu mớn nước an toàn và số lượng người được phép chở trên phương tiện.

2. Khi thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện, chủ phương tiện phải thực hiện quy định sau:

a)⁷⁵ (*được bãi bỏ*)

b) Tiếp nhận, bảo quản hồ sơ phương tiện đã niêm phong do cơ quan đăng ký phương tiện cũ giao để nộp cho cơ quan đăng ký phương tiện mới.

3.⁷⁶ Khai báo với cơ quan đăng ký phương tiện để xóa đăng ký phương

⁷² Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁷³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁷⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷⁵ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

tiện theo quy định.

4.⁷⁷ Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa hoặc giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa, người có tên trong giấy hẹn hoặc người có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền phải xuất trình giấy hẹn, căn cước công dân hoặc thẻ căn cước điện tử hoặc hộ chiếu và phải nộp lại một trong các giấy tờ sau:

a) Bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp trong trường hợp đăng ký lại phương tiện do thay đổi tên, tính năng kỹ thuật; đăng ký lại phương tiện do chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện; cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện do Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng; xóa đăng ký phương tiện;

b) Bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó trong trường hợp đăng ký lại phương tiện do chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (đối với phương tiện là tàu biển);

c) Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó trong trường hợp đăng ký lại phương tiện do chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện; đăng ký lại phương tiện do chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.

Điều 20. Trách nhiệm của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam⁷⁸

1. Tổ chức thực hiện Thông tư này.

2.⁷⁹ Quản lý cơ sở dữ liệu phương tiện theo quy định.

3. Trường hợp thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện, cơ quan đã đăng ký phương tiện có trách nhiệm thực hiện một số quy định sau:

a) Cắt góc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã cấp và đưa vào thành phần hồ sơ niêm phong, đồng thời xóa tên phương tiện trong Sổ đăng ký phương tiện thủy nội địa;

b) Cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện theo quy định tại Mẫu

⁷⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁷⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁷⁸ Cụm từ “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” được thay thế bởi cụm từ “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam” theo quy định tại khoản 9 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

số 11 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

- c) Niêm phong hồ sơ đăng ký phương tiện;
- d) Giao toàn bộ hồ sơ đăng ký phương tiện đã được niêm phong cho chủ phương tiện.

4. Lập Sổ đăng ký phương tiện thủy nội địa; lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký phương tiện theo quy định.

5. Thu, nộp và sử dụng lệ phí đăng ký phương tiện theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký khác

1. Tổ chức thực hiện Thông tư này theo phạm vi trách nhiệm.

2.⁸⁰ Tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện theo quy định. Cập nhật thông tin đăng ký phương tiện do đơn vị cấp theo quy định vào cơ sở dữ liệu của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam⁸¹.

3. Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 20 Thông tư này.

4.⁸² Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Xây dựng kết quả đăng ký phương tiện, chi tiết báo cáo như sau:⁸³

- a) Tên báo cáo: Báo cáo tổng hợp đăng ký phương tiện thủy nội địa;
- b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 12 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;
- d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng tháng;
- đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 18 của tháng thuộc kỳ báo cáo;
- e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;
- g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 12 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

⁸⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁸¹ Cụm từ “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” được thay thế bởi cụm từ “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam” theo quy định tại khoản 9 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁸² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

⁸³ Đoạn dẫn này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

5.⁸⁴ Sở Xây dựng báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam kết quả đăng ký phương tiện trên địa bàn quản lý (bao gồm cả kết quả đăng ký phương tiện thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này), chi tiết báo cáo như sau:⁸⁵

- a) Tên báo cáo: Báo cáo tổng hợp đăng ký phương tiện thủy nội địa;
- b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 12 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;
- d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng tháng;
- đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 22 của tháng thuộc kỳ báo cáo;
- e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;
- g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 12 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6.⁸⁶ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ đối với Sở Xây dựng, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện đăng ký phương tiện.

7. Thu, nộp và sử dụng lệ phí đăng ký phương tiện theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁸⁷

⁸⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

⁸⁵ Đoạn dẫn này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁸⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁸⁷ Điều 11 và Điều 12 của Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021 quy định như sau:

“Điều 11. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

2. Đối với những trường hợp đã nộp hồ sơ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Điều 31, Điều 32 và Điều 33 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 31. Hiệu thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 32. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Bộ Xây dựng

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông này;

b) Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ đã được phân cấp cho chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí nguồn lực, các điều kiện để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Trường hợp phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành báo cáo Bộ Xây dựng để kịp thời xử lý, tháo gỡ;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Thông tư này.

Điều 33. Quy định chuyển tiếp

1. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Đối với các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến chính quyền hai cấp:

Các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền địa phương cấp huyện đang giải quyết cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nếu đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà vẫn chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng sau đó phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm phân công cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền địa phương cấp xã nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đang có công việc, hồ sơ thủ tục hành chính cần giải quyết để tiếp tục giải quyết bảo đảm không làm gián đoạn công việc, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp; trường hợp nội dung công việc, hồ sơ thủ tục hành chính đó liên quan đến từ 02 đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau sắp xếp trở lên hoặc có nội dung phức tạp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp giải quyết hoặc phân công cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình tiếp tục giải quyết bảo đảm không làm gián đoạn công việc, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

3. Đối với các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính liên quan phân cấp nhiệm vụ, thẩm quyền

Các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp trả lại hồ sơ để hoàn thiện thì gửi hồ sơ đến cơ quan được phân cấp theo quy định tại Thông tư này để tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Thông tư này.

4. Quy định chuyển tiếp đối với nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư này:

a) Đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước;

b) Đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan có thẩm quyền trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước.

5. Quy định chuyển tiếp đối với nội dung quy định tại Điều 10 Thông tư này.

a) Cấp công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư;

b) Trường hợp dự án, công trình xây dựng đã trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015. Bãi bỏ Thông tư số 21/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và đủ điều kiện thẩm định thì việc xác định cấp công trình và áp dụng cấp công trình trong quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm trình thẩm định;

c) Trường hợp công trình có điều chỉnh thiết kế xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng không làm thay đổi về mức độ quan trọng, quy mô công suất, quy mô kết cấu thì cấp công trình được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư; trường hợp công trình có điều chỉnh thiết kế xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà làm thay đổi về mức độ quan trọng, quy mô công suất, quy mô kết cấu thì cấp công trình được xác định theo quy định tại Thông tư này./."

PHỤ LỤC I
(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số 01⁸⁸

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../ĐK



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện:.....Số đăng ký:
Chủ phương tiện (Tổ chức/cá nhân):
Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử
hoặc số hộ chiếu:; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):
Địa chỉ chủ phương tiện:
Đã đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
Cấp phương tiện: Công dụng:.....
Năm và nơi đóng:
Chiều dài thiết kế: m, Chiều dài lớn nhất: m
Chiều rộng thiết kế: m, Chiều rộng lớn nhất: m
Chiều cao mạn: m, Chiều chìm: m
Mạn khô: m, Vật liệu vỏ:
Số lượng, kiểu và công suất máy chính:
Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy:

....., ngày.....thángnăm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP
(Chức danh người ký, ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Số sêri:

Ghi chú:

- * Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa được in trên bìa cứng và có kích thước như sau:
 - Chiều dài toàn bộ: 20 cm
 - Chiều dài khung viền: 18 cm
 - Chiều rộng toàn bộ: 15 cm
 - Chiều rộng khung viền: 13 cm
 - * Số sêri: bao gồm phần chữ và phần số:
 - Phần chữ: là ký hiệu của nhóm chữ cái ghi trên Sổ đăng ký theo quy định tại Phụ lục II.
 - Phần số: gồm 6 chữ số, đánh số theo tuần tự bắt đầu từ 000001.
- Ví dụ: Số sêri của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam⁸⁹ bắt đầu là CDT 000001

⁸⁸ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁸⁹ Cụm từ “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” được thay thế bởi cụm từ “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam” theo quy định tại khoản 9 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu.....
- Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
- Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện

tử hoặc số hộ chiếu:; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):.....

- Trụ sở chính (1):.....

- Điện thoại: Email:.....

Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Ký hiệu thiết kế:

Công dụng:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu:..... Vật liệu vỏ:.....

Chiều rộng thiết kế:m

Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn:m

Chiều chìm:m

Mạn khô:m

Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người

Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Chiều dài thiết kế:m

Chiều dài lớn nhất:m

Máy phụ (nếu có):

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có): ngày tháng năm 20

Do cơ quan..... cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:

..... do cơ quan..... cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số..... ngày tháng năm 20

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện

....., ngày..... tháng..... năm 20

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

⁹⁰ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KÊ KHAI ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI
 ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
 - Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
 - Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử hoặc số hộ chiếu:.....; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):.....
 - Trụ sở chính (1):.....
 - Điện thoại: Email:
 - Loại phương tiện:
 - Vật liệu đóng phương tiện:
 - Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.....x.....x.....x.....) m
 - Máy (loại, công suất):/..... (sức ngựa)
 - Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: tấn.
 - b) Sức chở người: người.
 - Tình trạng thân vỏ:
 - Tình trạng hoạt động của máy:
 - Vạch dấu món nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:.....mm.
 - Dụng cụ cứu sinh: số lượng (chiếc); Loại
 - Đèn tín hiệu:
- Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

⁹¹ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
 - Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
 - Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử hoặc số hộ chiếu:.....; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):.....
 - Trụ sở chính (1):
 - Điện thoại: Email:
- Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:
- Tên phương tiện: Chiều cao mạn:m
- Năm hoạt động: Chiều chìm: m
- Công dụng: Mạn khô:m
- Năm và nơi đóng: Trọng tải toàn phần:tấn
- Vật liệu vỏ: Số người có thể chở: người
- Chiều dài lớn nhất:(m) Sức kéo, đẩy tấn
- Chiều rộng lớn nhất: (m)
- Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại...):
 (cá nhân hoặc tổ chức)

Địa chỉ:

Thời gian (mua, tặng, đóng) ngày tháng năm

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm

Nay đề nghị đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa phương

cấp xã

(Nội dung: Xác nhận ông, bà đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm 20....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

⁹² Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

*(Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác
sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa)*

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu.....
- Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
- Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử hoặc số hộ chiếu: ; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):
- Tên cơ quan cấp đăng ký trước đây:
- Trụ sở chính (1):
- Điện thoại: Email:
- Số giấy chứng nhận đăng ký:

Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có): ngày tháng năm 20

Do cơ quan cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số
do cơ quan cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm 20

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..., ngày tháng năm 20

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

⁹³ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)

Kính gửi:.....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu.....
 - Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
 - Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử hoặc số hộ chiếu:; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):
 - Trụ sở chính (1):
 - Điện thoại: Email:
- Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:
- Tên phương tiện: Số đăng ký:
- Số giấy chứng nhận đăng ký:
- Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do (2):

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (3)
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại

(3) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

⁹⁴ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 07⁹⁵

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu.....
 - Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
 - Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử hoặc số hộ chiếu: ; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):
 - Trụ sở chính (1):
 - Điện thoại:Email:
 - Số giấy chứng nhận đăng ký:
- Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:
- Tên phương tiện: Số đăng ký:
- Phương tiện này được *(mua lại, hoặc điều chuyển ...)*:
từ *(ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)*.....
- Địa chỉ:.....
- Đã đăng ký tại ngàytháng.....năm.....
- Nay đề nghị..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu

⁹⁵ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)

Kính gửi:.....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu.....
- Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
- Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử hoặc số hộ chiếu: ; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):
- Trụ sở chính (1):
- Điện thoại:Email:.....
- Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:.....
- Số giấy chứng nhận đăng ký:.....
- Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là:

.....
 Với lý do
 Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

... , ngày.....tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

⁹⁶ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
 PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu.....
- Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
- Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử hoặc số hộ chiếu:; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):
- Trụ sở chính (1):
- Điện thoại:Email:
- Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:
- Số giấy chứng nhận đăng ký:
- Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa với lý do:
- Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

... , ngàythángnăm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

⁹⁷ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
 - Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
 - Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử hoặc số hộ chiếu: ; ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):
 - Trụ sở chính (1):
 - Điện thoại: Email:
- Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:
- Tên phương tiện: Số đăng ký:
- Số giấy chứng nhận đăng ký:
- Nay đề nghị xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..., ngày.....tháng.....năm 20.....
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

⁹⁸ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN
XÓA ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện:Số đăng ký:
 Chủ phương tiện (Tổ chức/cá nhân):
 Mã định danh tổ chức (nếu chủ phương tiện là tổ chức):
 Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn
 cước điện tử hoặc số hộ chiếu:;
 ngày, tháng, năm sinh (nếu chủ phương tiện là cá nhân):
 Địa chỉ chủ phương tiện:
 Đã đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
 Cấp phương tiện:Công dụng:
 Năm và nơi đóng:
 Chiều dài thiết kế: m, Chiều dài lớn nhất:m
 Chiều rộng thiết kế: m, Chiều rộng lớn nhất:m
 Chiều cao mạn: m, Chiều chìm:m
 Mạn khô: m, Vật liệu vỏ:
 Số lượng, kiểu và công suất máy chính:
 Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy:

...., ngày.....thángnăm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP

(Chức danh người ký, ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

⁹⁹ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../

Kính gửi: (1).....

BÁO CÁO
TỔNG HỢP ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(tính đến hết tháng.../năm ...)

STT	Nội dung	Chiếc	Tấn	Khách	Sức ngựa	Ghi chú
Tổng số phương tiện đăng ký trong kỳ						
	Trong đó:					
I	Phương tiện loại 1					
1	Phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn					
	- Chở hàng					
	- Chở khách					
2	Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa					
	- Chở hàng					
	- Chở khách					
3	Phương tiện có sức chở trên 12 người					
	- Có động cơ					
	- Không có động cơ					
II	Phương tiện loại 2					
1	Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 đến 15 sức ngựa					
	- Chở hàng					
	- Chở khách					
2	Phương tiện có sức chở từ 5 đến 12 người					
	- Có động cơ					
	- Không có động cơ					
III	Phương tiện loại 3					
1	Phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 5 đến dưới 12 người					
2	Phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người					
IV	Phương tiện loại 4					
1	Phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè					

(1): - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam¹⁰¹ nếu là Sở Giao thông vận tải, Chi cục Hàng hải và Đường thủy¹⁰² báo cáo.
- Sở Xây dựng nếu là Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo¹⁰³.

NGƯỜI LẬP

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN
(Chức danh người ký, ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

¹⁰⁰ Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.
¹⁰¹ Cụm từ “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” được thay thế bởi cụm từ “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam” theo quy định tại khoản 9 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
¹⁰² Cụm từ “Chi cục Đường thủy nội địa” được bỏ bằng cụm từ “Chi cục Hàng hải và Đường thủy” theo quy định tại khoản 11 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
¹⁰³ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải nếu là cấp huyện, xã báo cáo” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng nếu là Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo” theo quy định tại khoản 10 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

PHỤ LỤC II¹⁰⁴
KÝ HIỆU NHÓM CÁC CHỮ CÁI GHI TRÊN SỔ ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên địa phương	Ký hiệu	STT	Tên địa phương	Ký hiệu
1	An Giang	AG	18	Lạng Sơn	LS
2	Bắc Ninh	BN	19	Lai Châu	LC
3	Cà Mau	CM	20	Lâm Đồng	LĐ
4	Cần Thơ	CT	21	Lào Cai	LK
5	Cao Bằng	CB	22	Nghệ An	NA
6	Đà Nẵng	ĐNa	23	Ninh Bình	NB
7	Đắk Lắk	ĐL	24	Phú Thọ	PT
8	Điện Biên	ĐB	25	Quảng Ngãi	QNg
9	Đồng Nai	ĐN	26	Quảng Ninh	QN
10	Đồng Tháp	ĐT	27	Quảng Trị	QT
11	Gia Lai	GL	28	Sơn La	SL
12	Hà Nội	HN	29	Tây Ninh	TN
13	Hà Tĩnh	HT	30	Thái Nguyên	TNg
14	Hải Phòng	HP	31	Thanh Hóa	TH
15	TP. Hồ Chí Minh	SG	32	Huế	HUE
16	Hung Yên	HY	33	Tuyên Quang	TQ
17	Khánh Hòa	KH	34	Vĩnh Long	VL

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để bc);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ (để đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, CHHĐTVN.



Nguyễn Xuân Sang

¹⁰⁴ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 11 Điều 16 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.